



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào  
ngày 30 tháng 6 năm 2015**



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	-
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	26/5/2015
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011	26/5/2015
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	24/4/2014	-
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên	26/5/2015	-
Ông Ngô Thanh Quyển	Thành viên	26/5/2015	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban	11/4/2011	-
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên	11/4/2011	26/5/2015
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13/6/2009	-
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên	26/5/2015	-

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	-
Bà Nguyễn Thanh Loan	Phó Tổng Giám đốc	15/4/2015	-
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	18/6/2015
Ông Huỳnh Tiến Liễu	Kế toán trưởng kiểm Giám đốc tài chính	07/8/2015	-

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

### **5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**NGUYỄN THANH NGHĨA**



Số: 16.166/BCSXHN-DTL

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty") từ trang 05 đến trang 42 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Nhóm công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

*(Xem tiếp trang sau)*



**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.2. trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn của Thông tư này nên một số số liệu so sánh đã được báo cáo lại như được nêu tại mục 4.29. của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Ý kiến soát xét của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỮ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1191-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.263.786.341.476</b>	<b>1.446.411.227.802</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>33.249.558.760</b>	<b>65.937.093.816</b>
1. Tiền	111		11.449.558.760	37.750.253.816
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.800.000.000	28.186.840.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>66.449.000.000</b>	<b>13.484.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		66.449.000.000	13.484.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>120.036.933.469</b>	<b>173.453.161.169</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	95.907.479.484	156.464.934.576
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.204.725.612	2.531.354.885
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	17.335.043.951	24.867.187.121
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(10.531.595.998)	(10.531.595.833)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		121.280.420	121.280.420
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.036.172.270.708</b>	<b>1.104.630.463.985</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.048.825.289.063	1.116.421.207.692
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.6	(12.653.018.355)	(11.790.743.707)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.878.578.539</b>	<b>88.906.508.832</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.248.334.070	3.774.499.411
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.628.782.469	85.130.307.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.462.000	1.702.286
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>888.297.888.675</b>	<b>914.845.731.582</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>702.792.438.010</b>	<b>727.800.770.651</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	646.501.524.279	670.789.914.112
Nguyên giá	222		842.145.236.395	835.883.194.286
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(195.643.712.116)	(165.093.280.174)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	56.290.913.731	57.010.856.539
Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.670.633.077)	(5.950.690.269)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>182.687.859.727</b>	<b>185.353.092.255</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	182.687.859.727	185.353.092.255
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>68.477.795</b>	<b>68.477.795</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.749.113.143</b>	<b>1.623.390.881</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		135.747.501	7.209.731
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	2.613.365.642	1.616.181.150
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.152.084.230.151</b>	<b>2.361.256.959.384</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN/HH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.338.443.352.738</b>	<b>1.546.697.099.037</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.260.960.550.398</b>	<b>1.422.106.877.359</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	405.597.166.526	446.097.050.564
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.379.454.849	6.639.731.870
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	14.109.410.141	9.358.865.285
4. Phải trả người lao động	314		964.639.205	1.412.952.962
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.258.489.806	10.083.814.474
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	28.342.481.121	9.273.395.533
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	794.841.662.581	936.432.965.330
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		467.246.169	2.808.101.341
	<b>330</b>		<b>77.482.802.340</b>	<b>124.590.221.678</b>
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>331</b>	5.11	5.677.000.662	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	5.677.000.662	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	71.805.801.678	124.590.221.678
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>813.640.877.413</b>	<b>814.559.860.347</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>813.640.877.413</b>	<b>814.559.860.347</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	26.956.805.237
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.512.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.362.238.557	68.608.895.788
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		68.053.616.913	62.055.409.847
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(691.378.356)	6.553.485.941
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.152.084.230.151</b>	<b>2.361.256.959.384</b>

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







LÊ NGỌC KHANG

HUỲNH TIẾN LIỀU

NGUYỄN THANH NGHĨA



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	923.863.141.913	951.324.918.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.663.654.213	1.453.072.222
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		922.199.487.700	949.871.846.256
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	824.943.977.313	868.056.306.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.255.510.387	81.815.539.714
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		917.389.446	3.571.315.749
7. Chi phí tài chính	22	6.4	43.728.164.340	37.167.228.883
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		27.830.757.498	32.976.023.396
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	10.848.821.186	9.438.154.278
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	22.365.547.249	26.675.933.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.230.367.058	12.105.539.108
11. Thu nhập khác	31		1.275.151.236	468.675.776
12. Chi phí khác	32	6.7	22.357.776.845	1.175.513.187
13. Lợi nhuận khác	40		(21.082.625.609)	(706.837.411)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147.741.449	11.398.701.697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.836.304.297	251.801.014
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(997.184.492)	(61.624.707)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(691.378.356)	11.208.525.390
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(691.378.356)	11.208.525.390
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.15.4	(12)	214
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.15.4	(12)	214

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ NGỌC KHANG

HUYỀN TIẾN LIÊU

NGUYỄN THANH NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>147.741.449</b>	<b>11.398.701.697</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		31.342.374.750	30.790.873.288
Các khoản dự phòng	03		862.274.813	(13.547.225.914)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.386.253.233	3.976.189.795
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(448.093.563)	(3.161.437.032)
Chi phí lãi vay	06		27.830.757.498	32.976.023.396
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>68.121.308.180</b>	<b>62.433.125.230</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		132.040.052.524	19.552.112.152
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		66.839.863.964	73.557.233.340
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.832.348.944)	(273.259.905.581)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.415.627.571	(171.358.903)
Tiền lãi vay đã trả	14		(28.656.082.166)	(33.343.849.098)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.436.737.246)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.568.459.750)	(143.866.299)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>222.359.961.379</b>	<b>(152.813.246.405)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.930.754.916)	(1.452.309.777)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.750.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(56.759.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.794.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(118.300.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		448.093.563	2.760.890.357
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(55.447.661.353)</b>	<b>2.940.280.580</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	66.087.570.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	866.882.963.216	1.050.124.318.180
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.066.530.271.666)	(1.053.805.005.037)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.781.902.030)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(199.647.308.450)</b>	<b>60.624.981.113</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(32.735.008.424)</b>	<b>(89.247.984.712)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>65.937.093.816</b>	<b>102.869.673.266</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.473.368	(200.454.185)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>33.249.558.760</b>	<b>13.421.234.369</b>

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ NGỌC KHANG

HUỖNH TIẾN LIỄU

NGUYỄN THANH NGHĨA



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.6. dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Số 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Chi nhánh Cơ Khí	Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Long Mỹ	79A Trần Hưng Đạo, Ấp 1, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
Chi nhánh Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc	Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, KCN Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh tại Huyện Bình Chánh	Số 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh tại Huyện Dĩ An	Số 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 499 (31/12/2014: 481).

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuế hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

### 1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

### 1.6. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Nhóm Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trong năm, Nhóm Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2. dưới đây.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

#### **4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### **4.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **4.6. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.7. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### **4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.9. Tài sản cố định hữu hình**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	05 năm



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.10. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

### **4.11. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **4.12. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê hoạt động***

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

### **4.13. Chi phí đi vay**

#### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời hạn xây dựng dưới 12 tháng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.14. Đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

#### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

##### ***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

### **4.15. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 4.16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay và chi phí khác được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### 4.17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

### 4.18. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### *Cổ phiếu ngân quỹ*

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### *Phân phối lợi nhuận*

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.19. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### ***Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư***

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### **4.20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **4.21. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **4.22. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.24. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **4.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **4.26. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 4.27. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

#### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.28. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 4.29. Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2., từ năm 2015, Nhóm công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một số số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được báo cáo lại, cụ thể như sau:

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích)

	<b>Đầu năm</b> (Được báo cáo lại)	<b>Đầu năm</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	24.867.187.121	6.882.278.922
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	18.106.188.619

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Các khoản mục	Thông tư 200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng, cầm cố, ký quỹ	Trình bày là phải thu khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Tài sản thiếu chờ xử lý	Trình bày là Tài sản thiếu chờ xử lý	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

### Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích)

	VND	
	Kỳ trước (Được báo cáo lại)	Kỳ trước (Đã được báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	468.675.776	1.833.998.490
Chi phí khác	1.175.513.187	2.540.835.901
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	214	221

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Các khoản mục	Thông tư 200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Trình bày theo thu nhập thuần	Trình bày tách biệt là thu nhập khác và chi phí khác
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Chưa loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	3.829.146.163	676.478.094
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.620.412.597	37.073.775.722
Các khoản tương đương tiền	21.800.000.000	28.186.840.000
<b>Cộng</b>	<b>33.249.558.760</b>	<b>65.937.093.816</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 21.800.000.000 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Nhóm công ty - Xem thêm mục 5.10.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn:					
Tiền gửi có kỳ hạn	66.449.000.000	66.449.000.000	13.484.000.000	13.484.000.000	

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng với số tiền là 63.959.000.000 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Nhóm Công ty - Xem thêm mục 5.10.

**5.3. Phải thu của khách hàng**

Ngắn hạn:	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
Công Ty TNHH Cơ Khí Và Xây Dựng DTL		13.843.994.984		1.953.476.216	
Các khách hàng khác		53.876.462.885		154.511.458.360	
<b>Cộng</b>		<b>67.720.457.869</b>		<b>156.464.934.576</b>	

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan  
- Xem thêm mục 9.:

Công Ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	28.187.021.615	-
<b>Cộng</b>	<b>28.187.021.615</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.907.479.484</b>	<b>156.464.934.576</b>

**5.4. Phải thu khác**

Ngắn hạn:	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Thuế GTGT chờ được khấu trừ	-	-	1.078.304.629	-	
Thuế GTGT chờ được hoàn	122.067.083	-	122.067.083	-	
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	115.465.826	-	193.730.698	-	
Tiền cho công nhân vay	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)	
Tạm ứng	2.599.191.472	-	4.552.717.878	-	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.788.763.295	-	13.432.190.321	-	
Phải thu khác	5.209.556.275	(1.338.493.156)	4.988.176.512	(1.338.493.156)	
<b>Cộng</b>	<b>17.335.043.951</b>	<b>(1.838.493.156)</b>	<b>24.867.187.121</b>	<b>(1.838.493.156)</b>	

**5.5. Nợ xấu**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.632.362.988	100.766.990	10.769.357.486	237.761.653	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 3 năm	2.896.315.858	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	7.736.047.130	100.766.990	Trên 2 năm	7.873.041.628	237.761.653	Trên 2 năm
<b>Cộng</b>	<b>10.632.362.988</b>	<b>100.766.990</b>		<b>10.769.357.486</b>	<b>237.761.653</b>	

**5.6. Hàng tồn kho**

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	325.078.474.559	(7.537.962.611)	502.751.654.832	(3.484.559.777)
Công cụ, dụng cụ	19.667.955.074	-	17.539.428.656	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.218.338.624	-	59.885.549	-
Thành phẩm	497.633.840.712	(3.576.141.612)	429.812.731.550	(3.425.525.919)
Hàng hóa	205.226.680.094	(1.538.914.132)	166.257.507.105	(4.880.658.011)
<b>Cộng</b>	<b>1.048.825.289.063</b>	<b>(12.653.018.355)</b>	<b>1.116.421.207.692</b>	<b>(11.790.743.707)</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 583.811.275.901 VND và 12.198.171,92 USD – Xem thêm mục 5.10.

Việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện giảm thêm so với giá gốc.

**5.7. Tài sản dở dang dài hạn**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Máy móc, dây chuyền sản xuất	165.746.557.624	163.157.043.363
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	11.569.822.522	5.453.302.752
Công trình xây dựng đường trạm, hệ thống điện, PCCC, xử lý nước thải	1.758.529.107	12.164.651.334
Hệ thống phần mềm	410.000.000	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.202.950.474	4.578.094.806
<b>Cộng</b>	<b>182.687.859.727</b>	<b>185.353.092.255</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thán 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	128.822.298.838	668.247.658.535	36.165.435.334	1.335.690.998	1.312.110.581	835.883.194.286
Mua trong kỳ	-	1.268.051.500	27.500.000	-	-	1.295.551.500
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.411.887.403	3.644.603.206	-	-	5.056.490.609
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	(90.000.000)	-	(90.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>128.822.298.838</b>	<b>670.927.597.438</b>	<b>39.837.538.540</b>	<b>1.245.690.998</b>	<b>1.312.110.581</b>	<b>842.145.236.395</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	15.035.738.530	129.459.226.598	19.186.665.578	869.540.668	542.108.800	165.093.280.174
Khấu hao trong kỳ	3.258.581.784	24.715.947.194	2.469.664.275	82.030.789	96.207.900	30.622.431.942
Giảm khác	-	-	-	(72.000.000)	-	(72.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.294.320.314</b>	<b>154.175.173.792</b>	<b>21.656.329.853</b>	<b>879.571.457</b>	<b>638.316.700</b>	<b>195.643.712.116</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	113.786.560.308	538.788.431.937	16.978.769.756	466.150.330	770.001.781	670.789.914.112
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>110.527.978.524</b>	<b>516.752.423.646</b>	<b>18.181.208.687</b>	<b>366.119.541</b>	<b>673.793.881</b>	<b>646.501.524.279</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 446.880.129.064 VND – Xem thêm mục 5.10.  
 Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.279.938.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.870.247.808</b>	<b>91.299.000</b>	<b>62.961.546.808</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	5.882.216.032	68.474.237	5.950.690.269
Khấu hao trong kỳ	714.236.622	5.706.186	719.942.808
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.596.452.654</b>	<b>74.180.423</b>	<b>6.670.633.077</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	56.988.031.776	22.824.763	57.010.856.539
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>56.273.795.154</b>	<b>17.118.577</b>	<b>56.290.913.731</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 52.013.058.824 VND – Xem thêm mục 5.10.

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.10. Vay và nợ thuế tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	715.606.342.581	715.606.342.581	868.614.865.312	1.021.471.888.061	868.463.365.330	868.463.365.330	
Vay dài hạn đến hạn trả	79.235.320.000	79.235.320.000	38.465.035.000	27.199.315.000	67.969.600.000	67.969.600.000	
<b>Cộng</b>	<b>794.841.662.581</b>	<b>794.841.662.581</b>	<b>907.079.900.312</b>	<b>1.048.671.203.061</b>	<b>936.432.965.330</b>	<b>936.432.965.330</b>	

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,9% đến 8,5%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 5,5% đối với USD nhằm bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản của bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1., 5.2., 5.6., 5.8., 5.9. và mục 9.

Đối tượng	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn							
Từ 1 năm	79.235.320.000	79.235.320.000	38.465.035.000	27.199.315.000	67.969.600.000	67.969.600.000	
trở xuống							
Trên 1 năm	44.804.920.000	44.804.920.000	1.836.615.000	38.465.035.000	81.433.340.000	81.433.340.000	
đến 5 năm							
Trên 1 năm	27.000.881.678	27.000.881.678	-	16.156.000.000	43.156.881.678	43.156.881.678	
đến 5 năm	151.041.121.678	151.041.121.678	40.301.650.000	81.820.350.000	192.559.821.678	192.559.821.678	
Trừ vay dài hạn đến hạn trả	(79.235.320.000)	(79.235.320.000)	(38.465.035.000)	(27.199.315.000)	(67.969.600.000)	(67.969.600.000)	
<b>Số phải trả trên 1 năm</b>	<b>71.805.801.678</b>	<b>71.805.801.678</b>	<b>1.836.615.000</b>	<b>54.621.035.000</b>	<b>124.590.221.678</b>	<b>124.590.221.678</b>	

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất 10,5%/năm đối với khoản vay VND và 7,5%/năm đối với khoản vay bằng USD để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, đầu tư máy móc thiết bị của Dự án nhà máy thép cán nguội.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình – Xem thêm mục 5.8. và 5.9.

Vay dài hạn các bên có liên quan là khoản vay các cá nhân liên quan thời hạn từ 24 tháng đến 28 tháng dưới hình thức tín chấp, lãi suất 0% - xem thêm mục 9.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.11. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn:					
Công ty Pos-Sea Pte	87.181.955.408	87.181.955.408	100.145.946.779	100.145.946.779	
Công ty Future Materials Industry	49.743.986.510	49.743.986.510	-	-	
Công ty Ouda Yichang Machinery And	55.579.270.874	55.579.270.874	53.231.140.122	53.231.140.122	
Electrical Equipment Manufacture	207.513.482.935	207.513.482.935	287.141.492.864	287.141.492.864	
Phải trả cho các đối tượng khác	400.018.695.727	400.018.695.727	440.518.579.765	440.518.579.765	
<b>Cộng</b>					
	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	
	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	
<b>Tổng cộng</b>	<b>405.597.166.526</b>	<b>405.597.166.526</b>	<b>446.097.050.564</b>	<b>446.097.050.564</b>	
Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Xem thêm mục 9.					
Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	
<b>Cộng</b>	<b>405.597.166.526</b>	<b>405.597.166.526</b>	<b>446.097.050.564</b>	<b>446.097.050.564</b>	
<b>Tổng cộng</b>					
	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	
	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	5.578.470.799	
<b>Tổng cộng</b>	<b>405.597.166.526</b>	<b>405.597.166.526</b>	<b>446.097.050.564</b>	<b>446.097.050.564</b>	

Dài hạn:

Công Ty TNHH Cơ Khí Và Xây Dựng DTL

5.677.000.662

5.677.000.662

-

### 5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Cuối kỳ		VND
	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	
Thuế giá trị gia tăng	240.286	-	26.550.731.112	26.550.436.873	53.953
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.277.781.978	2.959.490.952	55.960.174	11.181.312.756
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	143.627.572	1.836.304.297	-	1.979.931.869
Thuế thu nhập cá nhân	-	340.148.013	37.912.915	40.577.087	337.483.841
Các loại thuế khác	1.462.000	597.307.722	20.848.800	7.528.800	610.627.722
<b>Cộng</b>	<b>1.702.286</b>	<b>9.358.865.285</b>	<b>31.405.288.076</b>	<b>26.654.502.934</b>	<b>14.109.410.141</b>
	Thuế phải thu	Thuế phải thu	Thuế phải thu	Thuế phải thu	
	240.286	-	26.550.731.112	26.550.436.873	53.953
	-	8.277.781.978	2.959.490.952	55.960.174	11.181.312.756
	-	143.627.572	1.836.304.297	-	1.979.931.869
	-	340.148.013	37.912.915	40.577.087	337.483.841
	1.462.000	597.307.722	20.848.800	7.528.800	610.627.722
<b>Cộng</b>	<b>1.702.286</b>	<b>9.358.865.285</b>	<b>31.405.288.076</b>	<b>26.654.502.934</b>	<b>14.109.410.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.13. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Lãi vay	9.112.311.677	9.937.636.345
Các khoản trích trước khác	146.178.129	146.178.129
<b>Cộng</b>	<b><u>9.258.489.806</u></b>	<b><u>10.083.814.474</u></b>

Trong đó, chi phí lãi vay phải trả cho các bên có liên quan là 8.712.350.955 VND – Xem thêm mục 9.

**5.14. Phải trả khác**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Kinh phí công đoạn	391.977.339	386.275.005
Bảo hiểm xã hội	318.292.318	352.652.868
Bảo hiểm y tế	24.247.770	9.894.949
Bảo hiểm thất nghiệp	3.802.422	103.900
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.024.677.122	8.241.884.411
<b>Cộng</b>	<b><u>6.915.734.471</u></b>	<b><u>9.143.548.633</u></b>
Các khoản phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 9.		
Tiền mượn Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	21.296.899.750	-
Phải trả khác công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc	129.846.900	129.846.900
<b>Cộng</b>	<b><u>21.426.746.650</u></b>	<b><u>129.846.900</u></b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>28.342.481.121</u></b>	<b><u>9.273.395.533</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.15. Vốn chủ sở hữu

#### 5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	742.620.812.163
Tăng vốn do phát hành cổ phần	66.087.570.000	(94.250.000)	-	-	-	65.993.320.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-	-	-	(46.907.570.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	939.012.928	84.000.000	11.208.525.390
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.023.012.928)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(563.407.757)
Số dư tại ngày 01 tháng 7 năm 2014	614.356.040.000	160.758.033.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	(51.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	819.208.249.796
Khác	-	6.650.000	-	-	-	(4.655.039.449)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	814.559.860.347
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(691.378.356)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	(196.604.578)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	813.640.877.413

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Là vốn góp của các cổ đông.

### 5.15.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.863.162	61.863.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

### 5.15.4. Lãi/(lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(691.378.356)	11.208.525.390
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(336.255.762)
Lãi/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(691.378.356)	10.872.269.628
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	58.207.764	50.815.551
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(12)</b>	<b>214</b>

### 5.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

		VND
	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	26.956.805.237	2.512.121.366
Trích trong kỳ	327.674.297	31.000.000
Chi trong kỳ	-	(31.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>2.512.121.366</b>

### 5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	16.161,26	659.551,31
EUR	100,27	100,27
		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	1.812.487.702	1.812.487.702

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng hóa	163.946.711.063	500.032.838.320
Doanh thu bán thành phẩm	759.916.430.850	451.292.080.158
<b>Cộng</b>	<b>923.863.141.913</b>	<b>951.324.918.478</b>
Trong đó: Doanh thu đối với bên có liên quan – Xem thêm mục 9.		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	64.156.383.286	50.273.950.100

**6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giảm giá hàng bán	(1.603.827.586)	(1.344.455.847)
Hàng bán bị trả lại	(59.826.627)	(108.616.375)
<b>Cộng</b>	<b>(1.663.654.213)</b>	<b>(1.453.072.222)</b>

**6.3. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	150.449.367.286	470.805.552.163
Giá vốn của thành phẩm đã bán	673.632.335.379	410.879.254.312
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	862.274.648	(13.628.499.933)
<b>Cộng</b>	<b>824.943.977.313</b>	<b>868.056.306.542</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền vay	27.830.757.498	32.976.023.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.511.153.609	214.388.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.386.253.233	3.976.189.795
Chi phí tài chính khác	-	1.889.195
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	-	(1.262.451)
<b>Cộng</b>	<b>43.728.164.340</b>	<b>37.167.228.883</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.603.850.063	1.666.392.709
Chi phí vật liệu, bao bì	492.846.383	230.016.137
Chi phí công cụ, dụng cụ	17.251.669	27.049.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.669.206	57.169.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.230.211	118.125.766
Chi phí khác	8.472.973.654	7.339.401.015
<b>Cộng</b>	<b>10.848.821.186</b>	<b>9.438.154.278</b>

H. / T. / Đ. / L. / C.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên	9.817.299.064	8.690.169.788
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	615.335.008	912.274.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.854.544.535	6.553.496.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.116.062.486	5.772.927.588
Chi phí khác	2.962.306.156	4.664.528.920
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	82.536.470
<b>Cộng</b>	<b><u>22.365.547.249</u></b>	<b><u>26.675.933.194</u></b>

**6.7. Chi phí khác**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	8.683.022.239	2.856.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng hoạt động	13.136.074.480	1.164.192.881
Chi phí khác	538.680.126	8.463.795
<b>Cộng</b>	<b><u>22.357.776.845</u></b>	<b><u>1.175.513.187</u></b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	800.208.995.493	835.445.408.441
Chi phí nhân công	18.990.193.363	18.863.570.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.206.300.270	29.626.680.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.925.493.592	25.628.515.053
Chi phí khác bằng tiền	13.654.425.037	10.310.847.096
<b>Cộng</b>	<b><u>883.985.407.755</u></b>	<b><u>919.875.021.398</u></b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của Nhóm công ty	1.836.304.297	251.801.014

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Nhóm Công ty và những biến động trong kỳ và kỳ trước được trình bày như sau:

	VND
Số dư đầu năm trước	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ (2.598.687.889)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	982.506.739
Số dư đầu năm nay	(1.616.181.150)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh trong kỳ	(997.184.492)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>(2.613.365.642)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	866.882.963.216	1.050.124.318.180

#### 7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.066.530.271.666)	(1.053.805.005.037)

### 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại;
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Doanh thu	Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực thương mại		Loại trừ		Triệu đồng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Từ khách hàng bên ngoài	758.253	450.241	163.946	499.631	-	-	922.199	949.872
Giữa các bộ phận	295.052	501.249	962.467	1.115.646	(1.257.519)	(1.616.895)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.053.305</b>	<b>951.490</b>	<b>1.126.413</b>	<b>1.615.277</b>	<b>(1.257.519)</b>	<b>(1.616.895)</b>	<b>922.199</b>	<b>949.872</b>

### Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận	79.896	39.883	17.359	41.932	-	-	97.255	81.815
Chi phí không phân bổ							(33.214)	(36.114)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính							64.041	45.701
Thu nhập tài chính							917	3.571
Chi phí tài chính							(43.728)	(37.167)
Thu nhập khác							1.275	469
Chi phí khác							(22.358)	(1.176)
Lợi nhuận trước thuế							148	11.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							1.836	251
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(997)	(62)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>(691)</b>	<b>11.209</b>

### Các thông tin khác

Các thông tin khác	Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực thương mại		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	486.520	942.242	203.688	162.388	-	-	690.208	1.104.630
Tài sản không phân bổ							1.461.877	1.256.626
<b>Tổng tài sản</b>							<b>2.152.085</b>	<b>2.361.256</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực thương mại		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.338.443	1.546.697
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	-	-	<b>1.338.443</b>	<b>1.546.697</b>
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	5.123	37.541
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-	-	31.342	30.791

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

**Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Trong nước		Ngoài nước		Loại trừ		Triệu đồng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Doanh thu</b>	678.559	593.662	243.640	356.210	-	-	922.199	949.872
Từ khách hàng bên ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>678.559</b>	<b>593.662</b>	<b>243.640</b>	<b>356.210</b>	-	-	<b>922.199</b>	<b>949.872</b>
Chi phí mua sắm tài sản	5.123	37.541	-	-	-	-	5.123	37.541
Tài sản của bộ phận	2.132.995	2.292.101	19.090	69.155	-	-	2.152.085	2.361.256
Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.								

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
2. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
3. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
5. Bà Nguyễn Thanh Dung	Quan hệ ruột thịt với BGĐ và HĐQT
6. Bà Nguyễn Thanh Loan	Quan hệ ruột thịt với BGĐ và HĐQT

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Phải thu – Xem thêm mục 5.3. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	28.187.021.615	-
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.11. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(5.578.470.799)	(5.578.470.799)
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.14. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(129.846.900)	(129.846.900)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(21.296.899.750)	-
<b>Cộng</b>	<b>(21.426.746.650)</b>	<b>(129.846.900)</b>
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Phải trả lãi vay – Xem thêm mục 5.13. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	(5.208.794.642)	(5.208.794.642)
Bà Nguyễn Thanh Dung	(88.287.800)	(88.287.800)
Bà Nguyễn Thanh Loan	(28.464.800)	(28.464.800)
<b>Cộng</b>	<b>(8.712.350.955)</b>	<b>(8.712.350.955)</b>
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Vay dài hạn – Xem thêm mục 5.10. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(2.213.045.154)	(7.207.045.154)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	(23.557.103.274)	(34.719.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Dung	(866.733.250)	(866.733.250)
Bà Nguyễn Thanh Loan	(364.000.000)	(364.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(27.000.881.678)</b>	<b>(43.156.881.678)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	64.156.383.286	50.273.950.100
Mua hàng hóa Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	13.553.366.700	50.315.880.000
Vay Bà Nguyễn Thị Bích Liên	-	2.980.900.000
Mượn tiền Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	23.096.899.750	-

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Nhóm Công ty cũng nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%.

Cam kết bảo lãnh từ các bên có liên quan như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ cá nhân có liên quan		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	86.583.400.000 <sup>(*)</sup>	86.583.400.000 <sup>(*)</sup>
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	62.481.000.000 <sup>(*)</sup>	62.481.000.000 <sup>(*)</sup>
<b>Cộng</b>	<b>149.064.400.000</b>	<b>149.064.400.000</b>

<sup>(\*)</sup> Các khoản vay ngân hàng cũng được đảm bảo bằng tài sản của bên có liên quan với giá trị theo biên bản định giá – Xem thêm mục 5.10.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị của các công ty trong Nhóm công ty	170.734.600	51.000.000
Lương Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác của các công ty trong Nhóm công ty	539.304.200	547.457.200
<b>Cộng</b>	<b>710.038.800</b>	<b>598.457.200</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 05 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	Kỳ này 72.000.000	VND Kỳ trước 72.000.000
--	----------------------	-------------------------------

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

Từ 1 năm trở xuống	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Trên 1 năm đến 5 năm	144.000.000	144.000.000
<b>Cộng</b>	<u>264.000.000</u>	<u>336.000.000</u>
	<u>408.000.000</u>	<u>480.000.000</u>

### 11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Nhóm công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Nhóm công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Nhóm công ty có thể có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Nhóm công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất
- + Rủi ro tiền tệ
- + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HDQT) của Nhóm công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Nhóm công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Nhóm công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Nhóm công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HDQT phê duyệt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ		VND
	30/6/2015	01/01/2015	
<b>Tài sản tài chính:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.249.558.760	65.937.093.816	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.085.439.761	151.421.515.255	
Đầu tư ngắn hạn	66.449.000.000	13.484.000.000	
Tài sản tài chính khác	68.477.795	68.477.795	
<b>Cộng</b>	<b>190.852.476.316</b>	<b>230.911.086.866</b>	
<b>Công nợ tài chính:</b>			
Các khoản vay	866.647.464.259	1.061.023.187.008	
Phải trả người bán và phải trả khác	417.298.844.310	454.468.781.875	
Chi phí phải trả	9.258.489.806	10.083.814.474	
<b>Cộng</b>	<b>1.293.204.798.375</b>	<b>1.525.575.783.357</b>	

**Rủi ro tín dụng**

Nhóm công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Nhóm công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Nhóm công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	30/6/2015	01/01/2015
Tiền và tương đương tiền	33.249.558.760	65.937.093.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.085.439.761	151.421.515.255
<b>Cộng</b>	<b>124.334.998.521</b>	<b>217.358.609.071</b>

Nhóm công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

**Rủi ro thanh khoản**

Nhóm công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ		VND Cộng
		Phải trả người bán và phải trả khác	
Dưới 01 năm	794.841.662.581	411.621.843.648	1.206.463.506.229
Từ 1 – 3 năm	71.805.801.678	5.677.000.662	77.482.802.340
<b>Số dư ngày 30/6/2015</b>	<b>866.647.464.259</b>	<b>417.298.844.310</b>	<b>1.283.946.308.569</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	Vay và nợ	Phải trả người bán và phải trả khác	VND Cộng
Dưới 01 năm	936.432.965.330	454.468.781.875	1.390.901.747.205
Từ 1 – 3 năm	124.590.221.678	-	124.590.221.678
<b>Số dư ngày 01/01/2015</b>	<b>1.061.023.187.008</b>	<b>454.468.781.875</b>	<b>1.515.491.968.883</b>

Nhóm công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Nhóm công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Nhóm công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**Rủi ro lãi suất**

Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

Nợ tài chính:	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Theo lãi suất thả nổi	839.646.582.581	1.017.830.305.330
Không chịu lãi suất	27.000.881.678	43.156.881.678

**Phân tích độ nhạy cảm**

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối kỳ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 5.907.638.874 VND (2014: 7.898.370.552 VND).

**Rủi ro ngoại tệ**

Nhóm công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty. Nhóm công ty chịu rủi ro về USD do doanh thu bán hàng tại nước ngoài có giá trị lớn. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Các hoạt động ở nước ngoài của Nhóm công ty được tài trợ một phần bởi các khoản vay theo đồng nội tệ và phần vốn được phòng ngừa rủi ro phần lớn bằng các khoản vay ngoại tệ dài hạn.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác	Tiền và tương đương tiền	Cộng
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	852.450,32	16.161,26	868.611,58
Euro (EUR)	-	100,26	100,26

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	3.215.675,77	659.551,31	3.875.227,08
Euro (EUR)	-	100,26	100,26

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả thương mại và khác	Cộng
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	16.186.512,1	12.390.375,87	28.576.887,97

<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	20.785.457,07	15.992.519,94	36.777.977,01

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Nhóm công ty đã ký các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn.

### Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 20% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 9.847.730.676 VND (2014: 11.417.260.141 VND)

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 20%) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Nhóm công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối niên độ không phản ánh rủi ro trong suốt niên độ.

## 12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 13. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu lại Nhóm công ty theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Nhóm công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh là Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2013 Nhóm công ty quyết định chấm dứt hoạt động Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, 02 chi nhánh và Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc nêu trên vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**14. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 8 năm 2015.

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Lê Ngọc Khang*

LÊ NGỌC KHANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Huỳnh Tiến Liều*

HUỲNH TIẾN LIỀU

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thanh Nghĩa*

NGUYỄN THANH NGHĨA

